HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN **TỈNH BẮC NINH**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**
Số: 19/2021/NQ-HĐND	*Bắc Ninh, ngày 08 tháng 12 năm 2021*

NGHỊ QUYẾT
Ban hành Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2022

SỞ TƯ PHÁP

HỘI ĐỒNG NHÂN DÂN TỈNH BẮC NINH
KHÓA XIX, KỲ HỌP THỨ 4

Căn cứ Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2015; Luật sửa đổi, bổ sung một số điều của Luật Tổ chức Chính phủ và Luật Tổ chức chính quyền địa phương năm 2019;

Căn cứ Luật ngân sách nhà nước ngày 25 tháng 6 năm 2015;

Căn cứ Luật Ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2015;

Căn cứ Luật sửa đổi bổ sung Luật ban hành văn bản quy phạm pháp luật năm 2020;

Căn cứ Quyết định số 2047/QĐ-TTg ngày 03 tháng 12 năm 2021 của Thủ tướng Chính phủ về việc giao dự toán ngân sách nhà nước năm 2022;

Xét Tờ trình số 823/TTr-UBND ngày 30 tháng 11 năm 2021 của Uỷ ban nhân dân tỉnh Bắc Ninh về việc ban hành quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2022; báo cáo thẩm tra của Ban kinh tế - ngân sách và ý kiến thảo luận của đại biểu,

QUYẾT NGHỊ:

Điều 1. Ban hành kèm theo Nghị quyết này là Quy định tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu giữa ngân sách các cấp chính quyền địa phương tỉnh Bắc Ninh năm 2022.

(Có phụ lục chi tiết kèm theo)

Đối với các khoản thu tiền chậm nộp ngân sách địa phương được hưởng và được hạch toán riêng theo từng tiểu mục thực hiện phân chia theo tỷ lệ phần trăm (%) phân chia các khoản thu tương ứng với từng khoản thu phát sinh tiền chậm nộp. Riêng các khoản chậm nộp thuế thu nhập cá nhân, ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương, còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh.

Trường hợp các nội dung thu mới phát sinh trên các địa bàn mà chưa có tỷ lệ phân chia hoặc các khoản thu không gắn mã địa bàn phù hợp thì ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương (nếu có), phần còn lại điều tiết ngân sách cấp tỉnh.

Việc phân loại, hạch toán chương của doanh nghiệp thực hiện theo quy định hiện hành của Bộ Tài chính. Việc phân cấp quản lý thu thuế tại các doanh nghiệp trên địa bàn tỉnh thực hiện theo Nghị quyết của Hội đồng nhân dân tỉnh quy định Bộ tiêu thức phân công cơ quan Thuế quản lý đối với doanh nghiệp thành lập mới trên địa bàn tỉnh (quy định hiện hành theo Nghị quyết số 214/2015/NQ-HĐND17 ngày 09 tháng 12 năm 2015 của Hội đồng nhân dân tỉnh).

Trường hợp đặc biệt có phát sinh nguồn thu từ dự án mới đi vào hoạt động trong thời kỳ ổn định ngân sách làm ngân sách địa phương tăng thu lớn thì Ủy ban nhân dân tỉnh trình Hội đồng nhân dân tỉnh quyết định tỷ lệ phân chia theo quy định của Luật Ngân sách nhà nước.

Điều 2. Giao Ủy ban nhân dân tỉnh, các tổ chức và cá nhân có liên quan tổ chức triển khai thực hiện Nghị quyết.

Điều 3. Thường trực Hội đồng nhân dân, các Ban của Hội đồng nhân dân, các Tổ đại biểu và đại biểu Hội đồng nhân dân tỉnh có trách nhiệm đôn đốc, kiểm tra, giám sát việc thực hiện Nghị quyết này.

Nghị quyết này đã được Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh khoá XIX, kỳ họp thứ 4 thông qua ngày 08 tháng 12 năm 2021 và có hiệu lực thi hành từ ngày 01 tháng 01 năm 2022./.

Nơi nhận:
- UBTVQH (b/c);
- Cục Kiểm tra văn bản QPPL - Bộ Tư pháp (b/c);
- Vụ pháp chế - Bộ Tài chính (b/c);
- TT Tỉnh ủy, HĐND, UBND, UBMTTQ tỉnh;
- Đoàn đại biểu Quốc hội tỉnh;
- VKSND, TAND tỉnh;
- Các Ban HĐND; các đại biểu HĐND tỉnh;
- VP: TU, UBND tỉnh;
- Các Sở, ban, ngành, đoàn thể tỉnh;
- Các cơ quan Trung ương đóng trên địa bàn tỉnh;
- Các Huyện ủy, Thị ủy, Thành ủy;
- TTHĐND, UBND các huyện, TX, TP;
- Công báo, Đài PTTH, Cổng TTĐT tỉnh, Báo BN, TTXVN tại BN;
- VP: LĐVP, phòng Tổng hợp, lưu VT.

CHỦ TỊCH

Nguyễn Quốc Chung

Phụ lục 01

CÁC KHOẢN THU NGÂN SÁCH CÁC CẤP HƯỞNG 100%

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

I	**Các khoản thu ngân sách cấp tỉnh hưởng 100%**
1	Thu tiền cho thuê nhà và bán nhà thuộc sở hữu Nhà nước
2	Các khoản thu hồi vốn của ngân sách địa phương đầu tư tại các tổ chức kinh tế; thu cổ tức, lợi nhuận được chia tại công ty cổ phần, công ty trách nhiệm hữu hạn hai thành viên trở lên có vốn góp của Nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu; thu phần lợi nhuận sau thuế còn lại sau khi trích lập các quỹ của doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân tỉnh đại diện chủ sở hữu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho Ngân sách cấp tỉnh
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập và doanh nghiệp nhà nước do Ủy ban nhân dân cấp tỉnh đại diện chủ sở hữu thì được phép trích lại một phần hoặc toàn bộ, phần còn lại thực hiện nộp ngân sách theo quy định của pháp luật về phí, lệ phí và quy định khác của pháp luật có liên quan
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện thu
6	Lệ phí môn bài khu vực doanh nghiệp nhà nước trung ương, khu vực nhà nước địa phương, doanh nghiệp đầu tư nước ngoài
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp tỉnh thực hiện
8	Thu tiền cấp quyền khai thác khoáng sản, cấp quyền khai thác tài nguyên nước (ngoài phần điều tiết ngân sách trung ương)
9	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp tỉnh xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật
10	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp tỉnh: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp tỉnh quản lý, trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách tỉnh do các đơn vị cấp tỉnh nộp
11	Thu từ hoạt động Xổ số kiến thiết
12	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp tỉnh năm trước sang năm sau
13	Thu kết dư ngân sách cấp tỉnh
14	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp tỉnh
15	Thu từ quỹ dự trữ tài chính địa phương
16	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các doanh nghiệp tỉnh Cục Thuế quản lý thu
17	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn xây dựng cơ bản theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp tỉnh

19	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiểu mục 4944) do Cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp các khoản tiền sử dụng đất, tiền thuê đất, phí và lệ phí…)
20	Tiền chậm nộp các khoản khác theo quy định của pháp luật do ngành hải quan quản lý hạch toán tiểu mục 4945 (trừ các khoản ngân sách trung ương hưởng)
21	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp tỉnh quản lý (hạch toán tiểu mục 4947); các khoản thu do đơn vị thuộc cấp trung ương quản lý nộp ngân sách địa phương được hưởng
II	**Các khoản thu ngân sách cấp huyện hưởng 100%**
1	Lệ phí môn bài thu từ khu vực ngoài quốc doanh, trừ lệ phí môn bài thu từ cá nhân, hộ kinh doanh ở xã, phường, thị trấn
2	Tiền cho thuê đất, thuê mặt nước các hộ kinh doanh và doanh nghiệp Chi cục Thuế quản lý thu
3	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho ngân sách cấp huyện
4	Phí thu từ các hoạt động dịch vụ do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện, trường hợp được khoán chi phí hoạt động thì được khấu trừ; các khoản phí thu từ các hoạt động dịch vụ do đơn vị sự nghiệp công lập cấp huyện nộp
5	Lệ phí do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện thu
6	Lệ phí trước bạ trừ lệ phí trước bạ nhà, đất
7	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các cơ quan nhà nước cấp huyện thực hiện
8	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp cho ngân sách cấp huyện
9	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp huyện năm trước sang năm sau
10	Thu kết dư ngân sách cấp huyện
11	Các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện: thu bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp huyện quản lý, trừ các đơn vị sự nghiệp thực hiện chế độ tự chủ tài chính; thu hồi các khoản chi năm trước và các khoản thu khác nộp ngân sách cấp huyện
12	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu Nhà nước do các cơ quan, đơn vị, tổ chức thuộc cấp huyện xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật
13	Thu tiền sử dụng đất từ dự án đất đối ứng để thanh toán vốn xây dựng cơ bản theo hình thức hợp đồng BT: Cơ quan nhà nước được ủy quyền thuộc cấp huyện
14	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật (hạch toán tiểu mục 4944) do Chi cục Thuế quản lý trực tiếp hạch toán khoản thu (gồm tiền chậm nộp của các khoản tiền sử dụng đất, thuế sử dụng đất nông nghiệp, tiền thuê đất, thuế sử dụng đất phi nông nghiệp, lệ phí môn bài, phí và lệ phí…).
15	Tiền chậm nộp các khoản khác còn lại theo quy định của pháp luật do ngành khác thuộc cấp huyện quản lý (hạch toán tiểu mục 4947)
III	**Các khoản thu ngân sách cấp xã hưởng 100%**
1	Lệ phí môn bài thu từ các cá nhân, hộ kinh doanh
2	Thuế tài nguyên

3	Thuế sử dụng đất nông nghiệp
5	Thuế sử dụng đất phi nông nghiệp
6	Các khoản phí và lệ phí phần nộp ngân sách xã theo quy định của pháp luật do các đơn vị thuộc cấp xã nộp
7	Thu từ quỹ đất công ích và thu hoa lợi công sản khác
8	Viện trợ không hoàn lại của các tổ chức quốc tế, các tổ chức khác, các cá nhân ở nước ngoài trực tiếp cho cấp xã
9	Thu từ bán tài sản nhà nước, kể cả thu tiền sử dụng đất gắn với tài sản trên đất do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã quản lý
10	Thu từ tài sản được xác lập quyền sở hữu của Nhà nước do các cơ quan, tổ chức, đơn vị thuộc cấp xã xử lý, sau khi trừ đi các chi phí theo quy định của pháp luật; thu từ xử lý tài sản tịch thu sung quỹ Nhà nước do các đơn vị cấp xã nộp
11	Dự án đất dân cư dịch vụ (hạch toán Tiểu mục 1401, chương 860); đất dôi dư; đất được nhà nước công nhận quyền sử dụng đất
12	Tiền thu từ xử phạt vi phạm hành chính, phạt, tịch thu khác theo quy định của pháp luật do các đơn vị cấp xã thực hiện
13	Thu kết dư ngân sách xã
14	Huy động đóng góp từ các cơ quan, tổ chức, cá nhân theo quy định của pháp luật cho ngân sách cấp xã thực hiện
15	Thu chuyển nguồn của ngân sách cấp xã năm trước sang năm sau

Phụ lục 02

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ BẮC NINH

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

T	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh				Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân									Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
												Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân				Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác							
		NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Võ Cường	26	39	33	2	26	0	72	2	26	74	26	0	74	0	26	64	10	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Vân Dương	26	0	69	5	26	0	59	15	26	74	26	0	41	33	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Ninh Xá	26	0	72	2	26	0	69	5	26	74	26	0	3	71	26	39	35	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Đại Phúc	26	0	69	5	26	0	71	3	26	74	26	1	58	15	26	64	10	26	74	50	50	6	94	30	70
5	Phong Khê	26	0	64	10	26	0	58	16	26	74	26	0	11	63	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Thị Cầu	26	0	53	21	26	0	49	25	26	74	26	0	24	50	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Đáp Cầu	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	Vũ Ninh	26	0	69	5	26	21	12	41	26	74	26	0	2	72	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Nam Sơn	26	0	69	5	26	25	6	43	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Hoà Long	26	0	29	45	26	6	0	68	26	74	26	0	8	66	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Hạp Lĩnh	26	0	64	10	26	0	60	14	26	74	26	0	52	22	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Khắc Niệm	26	0	67	7	26	0	59	15	26	74	26	0	49	25	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
13	Tiền An	26	0	55	19	26	0	67	7	26	74	26	0	53	21	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
14	Suối Hoa	26	0	68	6	26	0	66	8	26	74	26	0	63	11	26	64	10	26	74	50	50	6	94	30	70
15	Vệ An	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
16	Kinh Bắc	26	0	69	5	26	0	71	3	26	74	26	0	59	15	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
17	Kim Chân	26	0	19	55	26	0	1	73	26	74	26	0	62	12	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
18	Vạn An	26	0	14	60	26	2	6	66	26	74	26	0	27	47	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
19	Khúc Xuyên	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 03

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN THÀNH PHỐ TỪ SƠN

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
										Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác						
		NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Đông Ngàn	26	65	9	26	65	9	26	74	26	24	50	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Tân Hồng	26	61	13	26	61	13	26	74	26	12	62	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Đồng Kỵ	26	29	45	26	29	45	26	74	26	56	18	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Trang Hạ	26	46	28	26	46	28	26	74	26	32	42	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
5	Đình Bảng	26	68	6	26	68	6	26	74	26	53	21	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Đồng Nguyên	26	71	3	26	71	3	26	74	26	73	1	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Châu Khê	26	63	11	26	66	8	26	74	26	41	33	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	Hương Mạc	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Phù Khê	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Tương Giang	26	44	30	26	44	30	26	74	26	73	1	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Phù Chẩn	26	74	0	26	72	2	26	74	26	61	13	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Tam Sơn	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 04

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN TIÊN DU

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh				Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh				Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân									Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
											Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân				Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác						
	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NST	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
Thị trấn Lim	26	24	18	32	26	26	15	33	26	74	26	2	26	46	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Hoàn Sơn	26	51	22	1	26	42	32	0	26	74	26	0	6	68	26	49	25	26	74	50	50	6	94	30	70
Nội Duệ	26	0	26	48	26	0	27	47	26	74	26	0	67	7	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Liên Bão	26	0	41	33	26	0	42	32	26	74	26	0	47	27	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Phú Lâm	26	0	43	31	26	1	37	36	26	74	26	0	41	33	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Việt Đoàn	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Hiên Vân	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Phật Tích	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Minh Đạo	26	0	18	56	26	18	9	47	26	74	26	0	15	59	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Đại Đồng	26	0	55	19	26	0	60	14	26	74	26	0	65	9	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Tri Phương	26	0	54	20	26	0	46	28	26	74	26	0	51	23	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Cảnh Hưng	26	0	0	74	26	0	0	74	26	74	26	0	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Tân Chi	26	2	64	8	26	4	69	1	26	74	26	0	74	0	26	18	56	26	74	50	50	6	94	30	70
Lạc Vệ	26	0	65	9	26	2	62	10	26	74	26	0	8	66	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 05

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN YÊN PHONG

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
										Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác						
		NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Thị trấn Chờ	26	35	39	26	55	19	26	74	26	33	41	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Yên Phụ	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Tam Giang	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Hòa Tiến	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
5	Văn Môn	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Đông Thọ	26	56	18	26	55	19	26	74	26	24	50	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Trung Nghĩa	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	Đông Tiến	26	43	31	26	45	29	26	74	26	37	37	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Yên Trung	26	61	13	26	61	13	26	74	26	20	54	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Dũng Liệt	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Thụy Hòa	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Tam Đa	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
13	Long Châu	26	40	34	26	37	37	26	74	26	28	46	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
14	Đông Phong	26	47	27	26	46	28	26	74	26	18	56	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 06

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN QUẾ VÕ

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

T	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
										Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác						
		NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Chi Lăng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Đại Xuân	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Nhân Hòa	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Phương Liễu	26	73	1	26	72	2	26	74	26	17	57	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
5	Việt Hùng	26	61	13	26	65	9	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Ngọc Xá	26	33	41	26	32	42	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Đào Viên	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	Phù Lãng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Thị trấn Phố Mới	26	10	64	26	10	64	26	74	26	8	66	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Bằng An	26	19	55	26	20	54	26	74	26	19	55	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Quế Tân	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Phù Lương	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
13	Mộ Đạo	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
14	Hán Quảng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
15	Đức Long	26	0	74	26	25	49	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
16	Phượng Mao	26	60	14	26	61	13	26	74	26	8	66	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
17	Yên Giả	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
18	Bồng Lai	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
19	Việt Thống	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
20	Cách Bi	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
21	Châu Phong	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 07

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN THUẬN THÀNH

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
										Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác						
		NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Mão Điền	26	34	40	26	45	29	26	74	26	14	60	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Hoài Thượng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Song Hồ	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Gia Đông	26	63	11	26	67	7	26	74	26	21	53	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
5	An Bình	26	20	54	26	20	54	26	74	26	60	14	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Trạm Lộ	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Ninh Xá	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	Nghĩa Đạo	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Nguyệt Đức	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Đại Đồng Thành	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Đình Tổ	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Trí Quả	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
13	Thanh Khương	26	62	12	26	69	5	26	74	26	44	30	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
14	Hà Mãn	26	14	60	26	23	51	26	74	26	10	64	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
15	Ngũ Thái	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
16	Xuân Lâm	26	47	27	26	65	9	26	74	26	5	69	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
17	Song Liễu	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
18	Thị trấn Hồ	26	60	14	26	58	16	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 08

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN GIA BÌNH

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
									Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác							
	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
Thị trấn Gia Bình	26	14	60	26	13	61	26	74	26	36	38	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Xuân Lai	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Quỳnh Phú	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Đại Bái	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Lãng Ngâm	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Đông Cứu	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Song Giang	26	34	40	26	14	60	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Giang Sơn	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Nhân Thắng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Đại Lai	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Thái Bảo	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Bình Dương	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Cao Đức	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
Vạn Ninh	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất

Phụ lục 09

BẢNG TỶ LỆ PHẦN TRĂM (%) PHÂN CHIA CÁC KHOẢN THU GIỮA NGÂN SÁCH CÁC CẤP CHÍNH QUYỀN ĐỊA PHƯƠNG TRÊN ĐỊA BÀN HUYỆN LƯƠNG TÀI

(Kèm theo Nghị quyết số 19/2021/NQ-HĐND ngày 08 tháng 12 năm 2021 của Hội đồng nhân dân tỉnh Bắc Ninh)

TT	Xã, phường	Thuế Giá trị gia tăng ngoài quốc doanh			Thuế thu nhập doanh nghiệp ngoài quốc doanh			Các khoản thu phân chia theo tỷ lệ % giữa NSTW và NSĐP còn lại (1)		Thuế Thu nhập cá nhân								Lệ phí trước bạ nhà đất		Thu tiền sử dụng đất đất đấu giá, đất giao không qua đấu giá còn lại (2)		Thu tiền sử dụng đất từ đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư (3)	
										Từ sản xuất kinh doanh của cá nhân			Chuyển nhượng bất động sản			Thuế thu nhập cá nhân khác								
		NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NSH	NSX	NSTW	NST	NSH	NSX	NST	NSH	NST	NSH
1	Thị trấn Thứa	26	39	35	26	39	35	26	74	26	13	61	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
2	Trung Kênh	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
3	Phú Hòa	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
4	Mỹ Hương	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
5	Tân Lãng	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
6	Lâm Thao	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
7	Lai Hạ	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
8	An Thịnh	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
9	Trừng Xá	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
10	Trung Chính	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
11	Minh Tân	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
12	Phú Lương	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
13	Bình Định	26	0	74	26	0	74	26	74	26	0	74	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70
14	Quảng Phú	26	3	71	26	4	70	26	74	26	24	50	26	37	37	26	74	50	50	6	94	30	70

Trong đó: Ngân sách trung ương (NSTW); Ngân sách cấp tỉnh (NST); Ngân sách cấp huyện (NSH); Ngân sách cấp xã (NSX)

Ghi chú: (1) Bao gồm:

-Thuế giá trị gia tăng trừ thuế giá trị gia tăng hàng hóa nhập khẩu, thuế giá trị gia tăng của doanh nghiệp ngoài quốc doanh, hộ kinh doanh cá thể

- Thuế thu nhập doanh nghiệp trừ thuế thu nhập doanh nghiệp, lãi được chia cho nước chủ nhà, thuế thu nhập doanh nghiệp của doanh nghiệp ngoài quốc doanh
- Thuế thu nhập khác của doanh nghiệp gồm thu nợ thuế chuyển thu nhập, thu nhập sau thuế thu nhập
- Thuế tiêu thụ đặc biệt từ hàng hóa dịch vụ trong nước
- Thuế bảo vệ môi trường trừ thuế bảo vệ môi trường từ hàng hóa nhập khẩu

(2) Trừ dự án đất dân cư dịch vụ, đất dự án BT, đất dự án đấu thầu lựa chọn nhà đầu tư. Phần điều tiết về ngân sách cấp huyện được phân bổ:

- Phân bổ kinh phí đầu tư xây dựng hạ tầng của chính dự án (bao gồm cả tiền đền bù giải phóng mặt bằng, chi phí khác);
- Phần còn lại được phân bổ cho ngân sách cấp huyện, cấp xã:

+ Ngân sách cấp xã 70% để chi đầu tư xây dựng cơ bản nhưng tối đa không quá nhu cầu còn thiếu theo tổng mức đầu tư của các dự án trên địa bàn Ủy ban nhân dân cấp xã quản lý đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt theo kế hoạch đầu tư công hàng năm; phần chênh lệch (nếu có) được phân bổ về ngân sách cấp huyện;

+ Ngân sách cấp huyện 30% và phần chênh lệch (nếu có) ở trên.

(3) Phần điều tiết ngân sách cấp huyện ưu tiên phân bổ cho các công trình trên địa bàn xã bị mất đất